

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **80/2025/HS-ST**

Ngày: 05/06/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lộc

Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Tuấn là Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 06 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm - Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai và điểm cầu thành phần - Hội trường xét xử trực tuyến - Phân trại tạm giam khu vực T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 86/2025/TLST-HS ngày 02 tháng 04 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 84/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 05 năm 2025 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB-TA ngày 26/05/2025 đối với bị cáo:

Trần Đại N, sinh năm 2000, tại Đồng Nai; căn cước công dân số 0752.0002.3204, ngày cấp 09/08/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội; nơi thường trú: 72/4D, ấp T, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quốc T, sinh năm 1962 và con bà Trần Thị M, sinh năm 1955; bị cáo là con một trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Hiện bị cáo bị bắt, tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực T từ ngày 08/12/2024 đến nay.

(Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần)

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Bà **Hồ Thị Xuân C** là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ - Chi nhánh T2.

Địa chỉ: Khu T, tỉnh Đồng Nai - khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai. *(Có mặt)*

* *Bị hại:* Bà **Lê Thị N1** (Đã chết)

Đại diện hợp pháp của bị hại: Ông **Nguyễn Thế N2**, sinh năm: 1950.

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. *(Vắng mặt)*

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Trần Thị M**, sinh năm: 1955.

Nơi cư trú: G ấp T, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. *(Vắng mặt)*

2. Ông **Trần Đại N3**, sinh năm: 1994.

Nơi cư trú: Đ, ấp T, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. *(Vắng mặt)*

* Người tham gia tố tụng khác: Ông Nguyễn Văn Chiến, ông Lê Minh Vương, ông Nguyễn Trần Hoàng Long - điểm cầu Phân trại tạm giam khu vực Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. *(Có mặt tại điểm cầu thành phần)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 5 giờ 20 phút ngày 18/9/2024, Trần Đại N, sinh năm 2000, trú tại xã G, huyện T (có giấy phép lái xe hạng A1, số 750187021265 do Sở G cấp ngày 12/11/2018) điều khiển xe mô tô biển số 60B7-689.78 trong tình trạng đã sử dụng rượu bia, nồng độ cồn trong máu là 106,15mmol/L(tương đương 595,84mg/100ml máu) lưu thông theo hướng Định Quán đi về D trên Quốc lộ B, khi đi đến Km14+800 thuộc ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, trời có mưa, mặt đường trơn trượt Trần Đại N điều khiển xe mô tô chạy tốc độ cao 90 - 95 km/h, là khu vực đông dân cư, thiếu quan sát phía trước, không làm chủ tốc độ đã đụng vào bà Lê Thị N1, sinh năm 1954, trú tại xã G, huyện T đang dẫn xe đạp đi bộ qua đường từ trái sang phải theo hướng đi của xe mô tô 60B7-689.78. Vụ tai nạn khiến xe mô tô 60B7-689.78 té xuống đường, Trần Đại N bị thương, Lê Thị N1 bị thương nặng được người dân đưa đi cấp cứu đến 11 giờ cùng ngày chết tại Bệnh viện Đ.

Kết quả khám nghiệm xác định hiện trường sau tai nạn như sau:

Hiện trường xảy ra trên đoạn đường 2 chiều, trong khu vực có biển báo khu vực đông dân cư, thẳng, trải nhựa bằng phẳng có vạch sơn màu vàng kẻ đường không liền nét chia đường thành 2 phần bằng nhau và cùng bằng 7m, mỗi làn đường có vạch kẻ sơn màu trắng kẻ đường không liền nét chia đường thành 2 làn

Làn phía ngoài rộng 3m50 là làn đường dành cho phương tiện cơ giới

Làn phía trong sát mép đường rộng 3m50 là làn đường dành cho phương tiện mô tô và xe thô sơ

(1) Vị trí xe đạp: Sau tai nạn xe đạp ngã nghiêng về bên trái trên làn đường dành cho phương tiện mô tô và xe thô sơ, đầu xe hướng về mép lề đường, đuôi xe hướng tìm đường. T1 trục bánh trước đo đến mép đường là 1m20, tâm trục bánh sau đo đến mép đường là 2m20 và đo đến đầu vết cày là 4m

(2) Vị trí vết cày: Sau tai nạn hiện trường để lại vết cày không liền nét. Đầu vết cày đo đến mép đường là 3m70 và đo đến tâm trục bánh xe sau của xe mô tô 60B7-689.78 là 3m60.

(3) Vị trí xe mô tô 60B7-689.78: Sau tai nạn xe mô tô 60B7-689.78 ngã nghiêng bên trái trên làn đường dành cho phương tiện mô tô và xe thô sơ, Đầu xe hướng vào mép đường, đuôi xe hướng tìm đường, tâm trục bánh xe sau đo đến mép đường là 3m50, tâm trục bánh xe trước đo đến mép đường là 1m90 và đo đến tâm trục bánh xe trước của xe đạp là 7m80

Trụ điện số 1060/3/23 bên trong mép đường đo đến mép đường là 5m80, đo đến tâm trục bánh xe trước của xe đạp là 10m60.

Kết quả dựng lại hiện trường không thay đổi nội dung trong biên bản khám nghiệm hiện trường ban đầu.

Căn cứ bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 259/KLGĐTT-TTPYĐN ngày 28/10/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ đối với Lê Thị N1, sinh năm: 1954

Kết luận nguyên nhân chết: Chấn thương sọ não gây vỡ sọ thái dương đỉnh chẩm trái phức tạp nhiều đường có mảnh sọ rời, rách màng não, dập não và thoát tổ chức não ra ngoài.

- Kết luận khác: Nồng độ cồn trong máu: Nồng độ ethanol trong máu toàn phần: 0,12mg/100mL

- Độc chất: mẫu tĩnh mạch có sự hiện diện của:

Acetaminophen (Paracetamol) (thuốc giảm đau, hạ sốt)

Caffeine (chất kích thích thần kinh trung ương yếu)

Căn cứ kết luận số 2443/KL-KTHS ngày 26/12/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đ, kết luận về cơ chế hình thành dấu vết va chạm giữa 2 phương tiện.

Xe mô tô 60B7-689.78 và xe đạp màu xanh có va chạm với nhau.

Cơ chế hình thành dấu vết va chạm giữa hai phương tiện: Phía trước xe mô tô biển số 60B7-689.78 (dầu vết trượt, xước, dính chất màu xanh tại các chi tiết phía trước: mặt và má trái lốp trước, về chấn bunn, mặt nạ, cụm đèn chiếu sáng) có cùng chiều từ trước ra sau; phù hợp với va chạm bên phải xe đạp màu xanh (dầu vết trượt, cong vênh, biến dạng về bên rai và mất sơn màu xanh tại các chi tiết bên phải: gắp sau dính chất màu đen, tấm che xích, vành bánh sau, về chấn bunn sau, đũa trên dính chất màu đen) có cùng chiều từ phải qua trái.

Quá trình điều tra, bị cáo Trần Đại N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng mô tả.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng số 47/CT-VKS-TN ngày 02/04/2025 và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tuyên bị cáo Trần Đại N phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo N từ 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Gia đình và bị cáo Trần Đại N đã thỏa thuận bồi thường chi phí mai táng và tổn thất tinh thần, tiền sửa xe đạp toàn bộ là 30.000.000 đồng cho gia đình nạn nhân Lê Thị N1, gia đình nạn nhân đã bãi nại trách nhiệm dân sự cho bị cáo Trần Đại N.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí hình sự sơ thẩm và xử lý vật chứng.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt. Tuy nhiên, kính mong HĐXX xem xét thêm cho bị cáo:

+ Tai nạn giao thông là điều không ai mong muốn, xảy ra với lỗi vô ý trong hoàn cảnh mưa lớn khi mọi người tham gia giao thông trên đường. Sau khi xảy ra tai nạn bị cáo đã tích cực cùng gia đình thăm hỏi và chia sẻ mất mát với gia đình bị hại và gia đình bị hại có đơn xin bãi nại.

+ Gia đình bị cáo là hộ nghèo, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

+ Bị cáo đã khắc phục hậu quả, bồi thường cho gia đình bị hại, bị cáo có nhân thân tốt, đây là lần phạm tội lần đầu.

Vì vậy, đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 để bị cáo sớm được trở về với gia đình, cha mẹ.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin được gửi lời xin lỗi đến gia đình bị hại và bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình đã gây ra là vi phạm pháp luật. Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự

thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác khẳng định khai báo tự nguyện, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh và khung hình phạt*: Trên cơ sở lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã làm rõ được tội danh của bị cáo. Cụ thể, Vào khoảng 5 giờ 20 phút ngày 18/9/2024, Trần Đại N điều khiển xe mô tô biển số 60B7-689.78 trong tình trạng đã sử dụng rượu bia, nồng độ cồn trong máu là 106,15mmol/L(tương đương 595,84mg/100ml máu) lưu thông theo hướng Định Quán đi về D trên Quốc lộ B, khi đi đến Km14+800 thuộc ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, trời có mưa, mặt đường trơn trượt Trần Đại N điều khiển xe mô tô chạy tốc độ cao từ 90 – 95km/h, là khu vực đông dân cư, thiếu quan sát phía trước, không làm chủ tốc độ đã đụng vào bà Lê Thị N1 đang dẫn xe đạp đi bộ qua đường từ trái sang phải theo hướng đi của xe mô tô 60B7-689.78. Vụ tai nạn khiến xe mô tô 60B7-689.78 té xuống đường, Trần Đại N bị thương, Lê Thị N1 bị thương nặng được người dân đưa đi cấp cứu đến 11 giờ cùng ngày chết tại Bệnh viện Đ.

Hành vi trên đây của Trần Đại N đã vi phạm vào các khoản 8, 23 Điều 8 Luật giao thông đường bộ và vi phạm vào Điều 5 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT 29/8/2019 Quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ đã gây hậu quả nghiêm trọng làm chết 01 người nên đã phạm vào tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” với tình tiết định tội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự: “*Làm chết người*”, với tình tiết định khung là “*Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định hoặc có sử dụng chất ma túy hoặc các chất kích thích mạnh khác mà pháp luật cấm sử dụng*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng số 47/CT-VKS.TN ngày 02/04/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt như đã nêu trên là đúng người, đúng tội và không oan sai cho bị cáo.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo*: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, việc bị cáo không chấp hành các quy tắc an toàn giao thông đường bộ, trực tiếp xâm phạm đến trật tự giao thông công cộng, gián tiếp gây thiệt hại đến tính mạng của người tham gia giao thông. Do đó, cần có mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi của bị cáo đã thực hiện, nhằm giáo dục bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] *Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo*:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội bị cáo đã tích cực cùng gia đình bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại; hiện bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn (là hộ nghèo của xã G); ngoài ra bị cáo là lao động chính trong gia đình có cha mẹ đã già yếu là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] *Về quyết định hình phạt*: Hành vi phạm tội do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, làm thiệt hại đến tính mạng của người khác, gây đau thương, mất mát lớn cho gia đình bị hại. Do vậy, cần có mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở. Tuy nhiên, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Căn cứ khoản 5 Điều 260 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] *Về vật chứng vụ án*: Xe mô tô biển số 60B7-689.78 nhãn hiệu Honda Winnerx màu sơn Xanh – Bạc – Đen đứng tên chủ sở hữu là Trần Đại N3. Anh N3 có cho Trần Đại N mượn đi công việc, xe có giấy tờ hợp pháp, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu (*Theo Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 15/02/2025*) là phù hợp nên không xem xét.

- Xe đạp màu xanh là của bà Lê Thị N1 cơ quan điều tra đã trả lại cho gia đình bà N1 (*Theo Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 15/02/2025*) là phù hợp nên không xem xét.

- 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 750187021265 cấp ngày 12/11/2018 do Sở Giao thông Vận tải tỉnh G cấp cho Trần Đại N sẽ tiến hành trao trả cho bị cáo khi án có hiệu lực pháp luật.

- 01 USB chứa dữ liệu điện tử liên quan đến vụ án lưu vào hồ sơ vụ án là phù hợp.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Gia đình và bị cáo Trần Đại N đã thỏa thuận bồi thường chi phí mai táng và tổn thất tinh thần, tiền sửa xe đạp toàn bộ là 30.000.000 đồng cho gia đình nạn nhân Lê Thị N1, gia đình nạn nhân đã có đơn bãi nại cho bị cáo Trần Đại N.

[09] *Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa*: Về việc đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo cũng như đề nghị mức hình phạt là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[10] *Xét ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo:* Về tội danh, khung hình phạt tại phiên tòa có phần phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[11] *Về án phí:* Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[12] *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 2 Điều 260; Điều 38; Điều 50 và điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Đại N phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo Trần Đại N **03 (Ba)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam (ngày 08/12/2024).

2. Về trách nhiệm dân sự: Các bên đã thỏa thuận bồi thường xong nên không xem xét, không có yêu cầu gì khác.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điều 46 Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trà 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 750187021265 cấp ngày 12/11/2018 do Sở G cấp cho Trần Đại N khi án có hiệu lực pháp luật. *(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/04/2025 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất và Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất).*

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Đại N phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; Đại diện hợp pháp Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Tuyết Hạnh